

TÌM HIỂU VIỆC ĐỊNH TỘI VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TỪ PHƯƠNG DIỆN LÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ CƠ BẢN CỦA TOÀ ÁN (Tiếp theo số 3)

Chu Thị Trang Vân^(*)

3. Quyết định hình phạt

Quyết định hình phạt (QĐHP) là một giai đoạn rất quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân, là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt và mức hình phạt cụ thể được quy định trong luật hình sự tương ứng với một cấu thành tội phạm cụ thể để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội.

Giữa quyết định hình phạt và việc nâng cao hiệu quả của hình phạt có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Hình phạt đạt được hiệu quả hay không (hay mức độ đạt được mục đích của hình phạt đến đâu) điều đó phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố: đó là những yếu tố thuộc về xây dựng hệ thống quy phạm pháp luật về hình phạt, những yếu tố thuộc về áp dụng những quy phạm pháp luật đó và cả những yếu tố thuộc về chấp hành hình phạt... trong đó yếu tố quyết định hình phạt giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Bởi lẽ các yếu tố thuộc về xây dựng hệ thống pháp luật chỉ có ý nghĩa trên thực tiễn khi hình phạt được quyết định đúng. Mặt khác hình phạt đã được quyết định đúng thì các yếu tố thuộc về chấp hành hình phạt mới phát huy được tác dụng của nó.

Như vậy có thể thấy rằng, QĐHP đúng là cơ sở quan trọng để có thể nâng

cao hiệu quả của hình phạt. Việc QĐHP đúng phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Với tư cách là một nội dung quan trọng trong quá trình ADPL hình sự và là một hoạt động đặc thù, riêng có của Tòa án nên việc nhận thức đúng những vấn đề liên quan đến QĐHP có ý nghĩa đối với thực tiễn xét xử của Tòa án. QĐHP là hoạt động ADPL hình sự, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng xét về mặt chính trị, pháp lý. Hình phạt đã tuyên, một mặt phải thể hiện được đó là sự trừng trị cần thiết của Nhà nước, phản ánh được thái độ của Nhà nước đối với người đã có hành vi phạm tội, răn đe, kìm chế ngăn ngừa họ phạm tội mới. Mặt khác có thể giáo dục, động viên được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia tích cực vào công cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm. Khi quyết định một hình phạt đúng pháp luật, công bằng và hợp lý đối với người phạm tội thì đó sẽ là tiền đề, là điều kiện cho việc đạt được mục đích của hình phạt, tức là có tác dụng trừng trị, giáo dục, cải tạo người phạm tội, ngăn ngừa người đó phạm tội mới và giáo dục những người khác. Ngược lại khi Tòa án quyết định một hình phạt không đúng pháp luật, không công bằng và không hợp lý thì những mục đích nói trên sẽ không thể đạt được. Một hình phạt như vậy, hoặc sẽ là quá nhẹ,

^(*) ThS., Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

hoặc sẽ là quá nặng so với hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Và trong cả hai trường hợp đều dẫn đến những hậu quả không tốt đối với người phạm tội, với những người khác và với toàn xã hội nói chung, làm giảm đi ý nghĩa phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của hình phạt. Chẳng hạn, trong trường hợp đầu, việc quyết định áp dụng đối với người phạm tội một hình phạt quá nhẹ so với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đương nhiên mục đích trừng trị, giáo dục, cải tạo của hình phạt là không đạt được. Không những thế còn gây ra cho người phạm tội và những người khác thái độ xem thường, vô trách nhiệm đối với pháp luật. Còn ở trong trường hợp sau, một hình phạt quá nặng được quyết định áp dụng đối với hành vi phạm tội của người phạm tội sẽ gây ra trong họ thái độ oán hờn, không tin tưởng và tính công bằng, sự công minh của pháp luật và của những cơ quan ADPL. Trong ý thức người phạm tội luôn luôn bị ám ảnh bởi họ phải chịu một hình phạt không phù hợp với hành vi phạm tội cũng như hậu quả do hành vi đó gây ra. Ở đây cả mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung đều không đạt được. Như vậy, việc nhận thức đúng về mục đích của hình phạt là cơ sở đầu tiên giúp chúng ta nhận thức đúng những căn cứ quyết định hình phạt và từ đó quyết định hình phạt đúng đắn, công bằng và hợp lý.

Do hình phạt là hậu quả pháp lý đối với người đã thực hiện tội phạm nên về nguyên tắc, việc QĐHP diễn ra sau quá trình định tội. Về mặt lý luận, nếu định tội là việc chuyển hoá nội dung quy định về tội phạm thì quyết định hình phạt là quá trình chuyển hoá nội dung quy định về hình phạt của BLHS.

3.1. Cơ sở của quyết định hình phạt

QĐHP là việc chuyển hoá nội dung quy định về hình phạt của Luật Hình sự vào việc xét xử những vụ án cụ thể nên cơ sở pháp lý của hoạt động này là BLHS. Chỉ có BLHS mới quy định về tội phạm và hình phạt và vì vậy, việc dựa vào một cơ sở pháp lý nào khác ngoài BLHS để quyết định hình phạt đối với người phạm tội đều là bất hợp pháp. Trong thực tế, người ta có thể bắt gặp những văn bản hướng dẫn của các cơ quan tư pháp liên quan đến vấn đề quyết định hình phạt đối với những tội phạm cụ thể cũng như liên quan đến định tội, tuy nhiên, những văn bản này không có thẩm quyền và không bao giờ sáng tạo ra những hình phạt mới, những khung hình phạt mới hay những tội phạm mới mà chỉ có ý nghĩa hướng dẫn việc áp dụng những quy định về tội phạm và hình phạt của BLHS cho phù hợp với mục đích đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm trong những giai đoạn cụ thể.

Cơ sở của QĐHP không chỉ bao gồm cơ sở pháp lý mà còn bao gồm cả cơ sở thực tế. Với bản chất là một hoạt động ADPL, cơ sở thực tế là yếu tố bắt buộc phải được xác định vì nó trả lời cho câu hỏi hình phạt sẽ chuyển hoá vào trường hợp nào và cho ai. Giới hạn của cơ sở thực tế cần phải được xác định để quyết định hình phạt cũng được quy định ngay trong Luật Hình sự. Tuy nhiên, trong thực tế, việc xác định cơ sở thực tế và cơ sở pháp lý của quyết định hình phạt cũng có đặc điểm giống như đối với định tội. Những giai đoạn tương đối độc lập về mặt lý luận này của ADPL lại rất khó có thể phân biệt một cách rành mạch trong việc quyết định hình phạt.

Khoa học pháp lý hình sự có một thuật ngữ riêng để chỉ cơ sở của quyết định hình phạt đó là căn cứ quyết định hình

phạt. Theo Điều 45 BLHS, khi quyết định hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào các yếu tố cụ thể được trình bày sau đây.

3.2. Các căn cứ quyết định hình phạt

- *Thứ nhất, căn cứ vào các quy định của BLHS.* Căn cứ vào BLHS là một căn cứ (đầu tiên khi quyết định hình phạt và định hướng cho việc vận dụng các căn cứ tiếp) theo [5, tr.88]. Đúng về mặt cấu trúc, một quy phạm PLHS trong phần các tội phạm cụ thể luôn luôn có một hoặc một hệ thống các hình phạt khác nhau đi kèm được coi là trách nhiệm hình sự cho người đã thực hiện tội phạm được QPPL mô tả. Chính vì vậy, việc QĐHP trước hết là quá trình chuyển hoá, tức là phải căn cứ vào khung hình phạt tương ứng với một tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS thành trách nhiệm hình sự cụ thể đối với người đã thực hiện tội phạm đó. Khi QĐHP đối với người phạm tội, Tòa án chỉ được tuyên một hình phạt chính và có thể tuyên kèm theo một hoặc nhiều hình phạt bổ sung.

Khung hình phạt tương ứng với một tội phạm cụ thể có thể bao gồm một hoặc một số loại hình phạt khác nhau và tồn tại trong Luật Hình sự dưới các dạng sau:

- Dạng hình phạt xác định tương đối bao gồm hình phạt quy định mức tối thiểu và mức tối đa (a) và hình phạt chỉ xác định mức tối đa (b); và

- Dạng hình phạt lựa chọn bao gồm từ hai loại hình phạt trở lên được quy định là cho phép lựa chọn để áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể.

Như vậy khi QĐHP, Tòa án phải lựa chọn loại hình phạt và mức hình phạt tương ứng với tội phạm cụ thể để áp dụng.

Tuy nhiên nội dung về hình phạt của Luật Hình sự không đơn giản chỉ là hình

phạt hay hệ thống những hình phạt tương ứng với một tội phạm cụ thể được mô tả trong điều luật thuộc phần các tội phạm cụ thể. Hình phạt có nội dung xuyên suốt toàn bộ BLHS từ phần chung đến phần các tội phạm và tạo thành một hệ thống có tính quy định chặt chẽ. Như vậy, căn cứ để QĐHP còn bao gồm cả những quy định thuộc phần chung của BLHS. Nhìn chung, những quy định thuộc phần chung của BLHS là căn cứ có tính chất định hướng cho việc quyết định hình phạt bao gồm: mục đích của hình phạt, trách nhiệm hình sự và các giai đoạn phạm tội, đồng phạm, phạm nhiều tội, nội dung và điều kiện áp dụng các loại hình phạt, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt...

- *Thứ hai, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện.* Tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là thuộc tính khách quan của tội phạm được quyết định chủ yếu bởi ý nghĩa và tầm quan trọng của khách thể bị tội phạm xâm hại. Như vậy, ở một chừng mực nhất định, tính chất nguy hiểm cho xã hội phản ánh sự khác nhau giữa các nhóm tội phạm được quy định trong BLHS. Mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được quy định bởi tổng thể các dấu hiệu của CTTTP phản ánh sự khác nhau về lượng ở những tội phạm có cùng tính chất nguy hiểm cho xã hội. Nói cách khác, nó là đại lượng đánh giá sự khác nhau về mức độ nguy hiểm cụ thể của một loại tội phạm cụ thể được thực hiện trong những trường hợp khác nhau hoặc giữa các tội phạm cụ thể khác nhau trong cùng một nhóm [9, tr.229]. Một cách cụ thể hơn, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được cân nhắc dựa trên việc xem xét những yếu tố sau đây: Hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện, thủ đoạn, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh thực hiện; Hình thức thực hiện tội

phạm (đồng phạm hay không đồng phạm, có tổ chức hay không có tổ chức), giai đoạn thực hiện tội phạm (chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành); Hậu quả của tội phạm (tính chất và mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra); Hình thức lỗi, mức độ lỗi, động cơ, mục đích phạm tội.

- *Thứ ba, căn cứ vào nhân thân người phạm tội.* Những người phạm tội có những đặc điểm nhân thân rất khác nhau. Nhân thân người phạm tội là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội khác nhau: Tội phạm học, xã hội học... nhưng trong khoa học Luật Hình sự, nhân thân người phạm tội là tổng hợp những đặc điểm mang tính chất xã hội của người phạm tội, có ảnh hưởng đến việc cá thể hoá TNHS và hình phạt hoặc miễn TNHS, hình phạt. Việc làm sáng tỏ nhân thân và áp dụng yếu tố này làm căn cứ quyết định hình phạt đối với người phạm tội mang ý nghĩa là việc làm sáng tỏ khả năng cải tạo, giáo dục người phạm tội để trên cơ sở đó lựa chọn được loại và mức hình phạt phù hợp theo quy định của pháp luật. Đây cũng đồng thời là một biểu hiện của nhân đạo, công bằng, của cá thể hoá hình phạt được thể hiện như những nguyên tắc của luật hình sự và được thực tiễn khẳng định.

Nhân thân người phạm tội là tổng thể các khía cạnh xã hội đặc trưng của người phạm tội có ý nghĩa giải quyết đúng đắn trách nhiệm hình sự. Một cách cụ thể hơn, nhân thân bao gồm những đặc điểm, đặc tính mang tính chính trị-xã hội, tâm lý, đạo đức, sinh lý thể hiện tính cá biệt, tính không lặp lại của người thực hiện tội phạm. BLHS quy định một số đặc điểm về nhân thân người phạm tội là căn cứ để quyết định hình phạt bao gồm: Phạm tội lần đầu, tiền án, tiền sự, tái phạm, tái

phạm nguy hiểm, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, ngoan cố, tự thú, hối cải, lập công chuộc tội, người chưa thành niên phạm tội, trình độ lạc hậu, có con nhỏ hoặc đang mang thai... Trên cơ sở đó, khoa học pháp lý hình sự có sự phân loại nhân thân người phạm tội theo các nhóm khác nhau [7], [11, tr.120]. Khi căn cứ vào các đặc điểm nhân thân của người phạm tội để quyết định hình phạt, một mặt không được trừu tượng hoá tách nó ra khỏi tội phạm mà người đó đã thực hiện, mặt khác cũng không được chỉ xuất phát từ tội phạm. Điều có thể bàn luận là mối liên hệ biện chứng giữa cái khách quan là tội phạm đã thực hiện với cái chủ quan là đặc điểm nhân thân của người phạm tội. Mặc dù đều gắn với một con người cụ thể nhưng chủ thể của tội phạm và nhân thân người phạm tội là hai khái niệm khác nhau. Trong đó, chủ thể của tội phạm là một trong 4 yếu tố CTTP là cơ sở của việc định tội còn nhân thân người phạm tội là cơ sở của việc quyết định hình phạt. Do đó, trong những trường hợp các đặc điểm của người phạm tội được luật quy định là dấu hiệu bắt buộc để định tội thì không được cân nhắc chúng (với tính chất là những đặc điểm về nhân thân) khi quyết định hình phạt. Điều này xuất phát từ nguyên tắc "*Một tình tiết không dùng nhiều lần với nhiều tác dụng khác nhau để cá thể hoá TNHS đối với người phạm tội*" [7, tr.42]

- *Thứ tư, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.* Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 và 48 BLHS, chúng chỉ làm thay đổi mức độ nguy hiểm chứ không làm thay đổi tính chất nguy hiểm. Nghiên cứu các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ TNHS chúng ta thấy những tình tiết này hoặc là những tình tiết ảnh hưởng đáng kể đến mức độ nguy hiểm của hành vi (tăng lên, giảm xuống) hoặc là những tình tiết phản ánh khả năng giáo dục, cải tạo của người phạm tội hoặc phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội. Và như vậy những tình tiết này có sự trùng lặp (về nội dung và hình thức) với những tình tiết được xem xét ở căn cứ 2,3. Pháp luật không quy định cụ thể mối liên hệ ảnh hưởng một cách trực tiếp và rõ ràng giữa các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS với quyết định hình phạt mà điều này tùy thuộc vào việc ADPL của Tòa án trong từng vụ án và đối với từng bị cáo cụ thể. Nhìn chung các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng hình phạt được quy định trong BLLHS có một bộ phận lớn mô tả về các đặc điểm nhân thân của người phạm tội cũng có nghĩa là đồng nhất với việc căn cứ vào nhân thân người phạm tội. Tuy nhiên, một bộ phận khác lại có tính khách quan như hoàn cảnh phạm tội, đối tượng phạm tội... Chính vì vậy khi vận dụng những tình tiết này cần chú ý:

Những tình tiết đã là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng (hoặc giảm nhẹ) TNHS nữa;

Xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự và mục đích cải tạo giáo dục người phạm tội của hình phạt mà BLLHS cho phép Tòa án được coi những tình tiết khác ngoài những tình tiết luật đã quy định là tình tiết giảm nhẹ (Khoản 2 Điều 46)). Tuyệt đối không áp dụng trường hợp này đối với tình tiết tăng nặng. Mặt khác trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ (có ít nhất từ 2 tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được BLLHS quy định trở lên),

Toà án cũng có thể quyết định một hình phạt nhẹ hơn quy định của BLLHS (Điều 47). Nhưng những tình tiết thuộc loại này trong cả hai trường trên phải được nêu rõ lý do và ghi vào bản án.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ phải được đánh giá tổng hợp trong mối liên hệ thống nhất của toàn bộ vụ án.

Như vậy, các căn cứ như đã trình bày là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do BLLHS qui định buộc Tòa án phải tuân theo khi QĐHP đối với người thực hiện tội phạm. Trong mọi trường hợp, Tòa án không được đề cao căn cứ này, hạ thấp căn cứ kia và ngược lại mà phải tuân thủ đồng thời các căn cứ đó mới quyết định được loại và mức hình phạt đúng pháp luật, công bằng, hợp lý đối với người phạm tội. Các mục đích của hình phạt do đó mới đạt được.

4. Định tội và quyết định hình phạt là nội dung cơ bản của hoạt động áp dụng pháp luật trong xét xử vụ án hình sự

Định tội và QĐHP trong xét xử vụ án hình sự là hoạt động của Tòa án với tư cách là cơ quan Nhà nước duy nhất có thẩm quyền xét xử để chuyển hoá những quy định về tội phạm và hình phạt của BLLHS thành những quyền và nghĩa vụ cụ thể của các chủ thể có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Bản chất pháp lý của hoạt động này rõ ràng là không tạo nên những quy phạm pháp luật mới - tức là không sáng tạo ra tội phạm và hình phạt - mà là áp dụng những quy định về tội phạm và hình phạt của BLLHS để định tính một hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra trên thực tế có phải là tội phạm hay không và định lượng trách nhiệm pháp lý đối với người đã thực hiện tội phạm đó. Điều này cho thấy, định tội và QĐHP có bản chất là một hoạt động ADPL.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng mặc dù việc định tội và QĐHP chủ yếu là việc vật chất nhưng quy định của BLHS nhưng khi được diễn ra, định tội và QĐHP một mặt phù hợp với những yêu cầu của BLHS trong việc xác định một hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm và quy định trách nhiệm hình sự, mặt khác lại tuân theo những trình tự, thủ tục được quy định trong BLTTHS. Điều này cho thấy việc ADPL ở bất cứ giai đoạn nào trong quá trình xét xử vụ án hình sự của Tòa án cũng là việc áp dụng cùng lúc quy định của hai "hệ thống" quy phạm pháp luật khác nhau nhưng cùng tồn tại trong một thể thống nhất. Về mặt pháp lý, tội phạm và hình phạt được quy định trong BLHS nhưng việc chuyển hoá nội dung này trong việc xét xử vụ án hình sự theo những trình tự nhất định lại được quy định trong BLTTHS.

Với bản chất là một hoạt động ADPL, việc định tội và quyết định hình phạt chỉ có thể diễn ra khi đã bảo đảm đầy đủ cơ sở thực tế cũng như cơ sở pháp lý. Một cách tổng quát nhất điều này có nghĩa là xác định và tuân thủ một cách nghiêm ngặt chân lý vật chất, khách quan của những hành vi, sự kiện đã xảy ra trên thực tế và của pháp luật. Chân lý khách quan của hành vi, sự kiện đã xảy ra dù có được xác định cũng chẳng có ý nghĩa gì nếu không xác định được chân lý khách quan của pháp luật và ngược lại. Quá trình này có thể được chia thành các giai đoạn sau đây:

a) *Xác định và đánh giá cơ sở thực tế* - tức là các tình tiết, sự kiện cấu thành nên vụ án hình sự và *xác định cơ sở pháp lý cụ thể* - tức là những quy phạm pháp luật hình sự. Về mặt lý luận, xác định cơ sở thực tế và cơ sở pháp lý là hai giai đoạn khác nhau của một quá trình ADPL, tuy

nhiên trong việc định tội và quyết định hình phạt, hai giai đoạn này hầu như rất khó có thể phân biệt với nhau. Tuy nhiên, do logic khách quan của một vụ án hình sự là được bắt đầu bởi sự xuất hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội xảy ra trên thực tế xâm phạm đến những quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ nên việc xác định cơ sở thực tế - một cách tương đối - được tiến hành trước. Do việc xác định cơ sở thực tế xét đến cùng cũng để phục vụ cho việc định tội và QĐHP nên giới hạn của cơ sở thực tế là những tình tiết, dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm cũng như được mô tả trong những căn cứ để QĐHP. Điều đó có nghĩa là việc xác định và phân tích cơ sở thực tế của định tội và QĐHP luôn luôn phải bám sát vào những quy định của BLHS và BLTTHS.

Theo quy định của pháp luật, cơ sở thực tế và việc xác định cơ sở thực tế để định tội và QĐHP được chuyển hoá thành hai nội dung hết sức quan trọng của tố tụng hình sự đó là chứng cứ và đối tượng chứng minh. Chứng cứ là toàn bộ những tài liệu thực tế được các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án hình sự. Theo quy định của pháp luật chứng cứ bao gồm: vật chứng, lời khai, kết luận giám định và biên bản về hoạt động điều tra, xét xử về các tài liệu khác (*Điều 48, BLTTHS*). Chứng cứ được xem là phương tiện hợp pháp duy nhất để chứng minh sự thật khách quan của vụ án hình sự. Tuy nhiên, xuất phát từ nguyên tắc xác định sự thật khách quan của ADPL trong xét xử vụ án hình sự nên bản thân các chứng cứ được sử dụng cũng phải được xác định tính xác thực của chúng. Các chứng cứ của vụ án hình sự là những bộ phận đơn lẻ phản ánh những

mặt, những thuộc tính khác nhau của sự thật khách quan trong vụ án hình sự và những mặt, những thuộc tính của sự thật khách quan được chứng cứ phản ánh được gọi là đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự. Trên cơ sở xác định có tội phạm xảy ra, đối tượng chứng minh sẽ bao gồm những tình tiết là yếu tố cấu thành tội phạm (điểm 1,2 - Điều 47- BLTTHS), những tình tiết có ảnh hưởng đến việc vận dụng khung hình phạt và lượng hình (điểm 3 - Điều 47- BLTTHS) - tức là những tình tiết liên quan đến định tội và quyết định hình phạt.

Việc xác định cơ sở pháp lý về mặt lý luận được xem là diễn ra sau nhưng trên thực tế nó được tiến hành song song với việc xác định cơ sở thực tế của ADPL trong xét xử vụ án hình sự. Có thể thấy rằng cơ sở pháp lý là giới hạn cho việc xác định cơ sở thực tế của vụ án hình sự. Điều đó có nghĩa là việc xác định cơ sở thực tế chỉ là việc xác định sự tồn tại hay không tồn tại của những tình tiết, sự kiện liên quan đến những yếu tố CTTP và những căn cứ QĐHP mà luật hình sự đã mô tả.

b) *Kiểm tra cấu thành tội phạm và những căn cứ quyết định hình phạt trong mối liên hệ với từng sự kiện, tình tiết của vụ án.* Đây là giai đoạn quan trọng nhất của quá trình định tội và QĐHP. Nó được tiến hành dựa vào các yếu tố của CTTP và được bắt đầu lần lượt từ khách thể, mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan của tội phạm và các căn cứ liên quan đến việc quyết định hình phạt. Ở một chừng mực nhất định có thể coi giai đoạn này là giai đoạn xem xét sự đồng nhất giữa cơ sở thực tế - tức là sự thật khách quan của vụ án hình sự - với cơ sở pháp lý - tức những quy định cụ thể nào đó của luật hình sự về tội phạm và hình phạt.

Về mặt lý luận do việc QĐHP diễn ra sau việc định tội nên trong các giai đoạn ADPL, logic này cũng được chuyển hoá một cách trực tiếp thành việc kiểm tra các yếu tố CTTP sẽ được diễn ra trước việc kiểm tra các căn cứ QĐHP trong sự phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án đã được xác định.

c) *Kết luận bằng bản án là có tội hoặc không có tội và quyết định hình phạt đối với người phạm tội.* Về mặt lý luận, bản án hoặc quyết định là văn bản ADPL của Tòa án trong quá trình xét xử vụ án hình sự trong đó quy định quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể pháp luật có liên quan mà trước hết là bị cáo. Có thể thấy rằng do giới hạn của hoạt động ADPL của Tòa án trong xét xử vụ án hình sự chỉ diễn ra tại phiên tòa nên hoạt động này mặc nhiên sẽ chấm dứt sau khi Tòa án đã ra bản án hoặc quyết định. Điều này hoàn toàn không liên quan gì đến việc xét xử nhiều cấp như sơ thẩm, phúc thẩm hay các trình tự khác như tái thẩm, giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân bởi lẽ bất kỳ một thủ tục xét xử nào cũng chấm dứt sau khi Tòa án đã ra bản án hoặc quyết định.

Bản án là do Tòa án nhân danh nước Cộng hoà XHCN Việt Nam tuyên là một văn bản ADPL ghi nhận kết quả của quá trình ADPL trong xét xử vụ án hình sự. Bản án là văn bản ADPL mang tính cá biệt cụ thể, "là hình thức giải quyết vụ án của Tòa án, tức là hình thức thực hiện chức năng xét xử" [6, tr.35-38]. Nội dung của bản án bao gồm: thời gian, địa điểm mở phiên tòa; họ tên các thành viên hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, kiểm sát viên, người bào chữa; họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp của bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên

quan và người đại diện hợp pháp của họ. Trong bản án phải trình bày sự việc phạm tội của bị cáo, phân tích những chứng cứ xác định vô tội, xác định có tội, nếu có tội thì phạm tội nào của BLHS, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và hình phạt áp dụng. Nếu bị cáo không phạm tội thì bản án phải ghi rõ những chứng cứ xác định vô tội và phải giải quyết việc khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Phần cuối cùng, bản án ghi những quyết định của Tòa án và quyền kháng cáo đối với bản án.

5. Kết luận

Trên cơ sở những nghiên cứu lý luận về định tội và QĐHP từ phương diện là những hoạt động ADPL của Tòa án có thể đi đến một số kết luận sau:

Định tội và QĐHP là những hoạt động ADPL của Tòa án. Do vậy nó mang đầy đủ các đặc điểm của hoạt động ADPL – với tư cách là một dạng thực hiện pháp luật đặc biệt. Hoạt động đó nhằm mục đích chuyển hoá những quy định của luật vật chất (Luật hình sự) vào những trường hợp cụ thể nhưng đồng thời nó phải tuân thủ chặt chẽ những quy định của luật thủ tục (Luật TTHS).

Cơ sở của định tội và QĐHP bao gồm cơ sở thực tế và cơ sở pháp lý. Cơ sở pháp lý

chủ yếu của hoạt động định tội và QĐHP là Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đây là hoạt động ADPL nên còn mang tính “sáng tạo”. Các chủ thể ADPL (cụ thể ở đây là Tòa án) phải dựa trên cơ sở của BLHS, sự hướng dẫn ADPL của cấp trên (tuy không mang tính quy phạm pháp luật nhưng thực chất có tính chất bắt buộc) và ý thức pháp luật của chính mình.

Định tội và QĐHP được trải qua các giai đoạn khác nhau và kết thúc bằng bản án hình sự và các quyết định của Tòa án. Đó là hình thức biểu hiện của hoạt động ADPL trong quá trình xét xử của Tòa án.

Việc tiếp cận hoạt động xét xử các vụ án hình sự của Tòa án từ phương diện lý luận là những hoạt động ADPL, từ bản chất hoạt động này, các đặc điểm, các giai đoạn, môi trường các yếu tố ảnh hưởng, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Từ đó chúng ta mới có thể đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử của Tòa án một cách thuyết phục, có căn cứ khoa học, chứ không phải chỉ là những khẩu hiệu chung chung, không cụ thể và không khả thi. Đặc biệt, trước yêu cầu của cải cách tư pháp hiện nay, điều này càng có ý nghĩa vì thực chất bản chất của hoạt động tư pháp chính là hoạt động ADPL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Cẩm (chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam* (phần chung), NXB Đại học Quốc gia, trang 107.
2. Lê Cẩm, *Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung Bộ luật Hình sự* (Tập 1), NXB Công an Nhân dân, 2000.
3. Lê Cẩm, *Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung Bộ luật Hình sự* (Tập IV), NXB Công an Nhân dân, 2002.

4. Nguyễn Ngọc Chí, Các tình tiết loại trừ TNHS, Trong *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam* (Phần chung) Khoa Luật Đại Học Quốc gia Hà Nội, trang 241-272.
5. Nguyễn Ngọc Hoà (chủ biên), *Luật Hình sự Việt Nam, Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, trang 88, 1997.
6. Hoàng Thị Sơn, Các chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử trong tố tụng hình sự, *Tạp chí Luật học*, trang 35 – 38, số 2, 1998.
7. Trần Văn Sơn, Nhân thân người phạm tội, Một căn cứ để quyết định hình phạt, *Tạp chí luật học*, 2/1997, tr 41-46 và Bộ Tư pháp (Viện nghiên cứu KHPL), Hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
8. Kiều Đình Thụ, *Tìm hiểu Luật Hình sự Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ chí Minh, tr.55, 62.
9. Chu Thị Trang Vân, Luận văn thạc sỹ Luật, Đề tài “Áp dụng pháp luật trong xét xử vụ án hình sự của Tòa án nhân dân”, Hà Nội, trang 18 - 22, 05/1998.
10. Võ Khánh Vinh, *Nguyên tắc công bằng trong Luật Hình sự Việt Nam*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, trang 148, 1994.
11. Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý, *Hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, 1995.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS - LAW, T.XIX, N_o4, 2003

AN INVESTIGATION INTO ARRAIGNMENT AND DECISION ON PUNISHMENT FROM THE POINT OF VIEW OF LAW – APPLYING ACTIVITIES OF THE COUNT

Chu Thi Trang Van, LLM

Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi

Law application is a special form of law use. It is an activity, a process individualizing the rules of law applied to specify cases.

In criminal law, the application of the rules of law is complex, multi- faceted process. It can be carried out through a number of stages and consists of various activities. This paper attempts to examine two of the most essential issues of these: arraignment and decision on punishment. Details of these issues can be seen throughout the sections of this paper.